

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TỔ CHỨC TÔN GIÁO - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

CAO ĐẠI ĐOÀN*

Hiện nay, pháp luật về tổ chức tôn giáo không chỉ giới hạn trong khuôn khổ quốc gia mà còn chịu ảnh hưởng bởi các chuẩn mực quốc tế. Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) mà Việt Nam là thành viên, khẳng định quyền tự do tôn giáo là quyền con người cơ bản (quyền tự do tín ngưỡng, quyền tổ chức và bảo vệ hoạt động tôn giáo). Bài viết phân tích thực trạng và chỉ ra những thách thức trong quản lý tổ chức tôn giáo ở Việt Nam trong thời gian qua, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật Việt Nam về tổ chức tôn giáo.

Từ khóa: Tổ chức tôn giáo; hoàn thiện pháp luật Việt Nam; thực trạng; giải pháp.

Currently, the legal framework governing religious organizations in Vietnam is not only confined within national boundaries but also influenced by international norms and standards. The International Covenant on Civil and Political Rights (ICCPR), to which Vietnam is a member, affirms freedom of religion as a fundamental human right-including the rights to belief, organization, and protection of religious activities. This article examines the current situation and identifies the challenges faced by religious organizations in Vietnam over the past few years. On this basis, it proposes legal and policy solutions to improve the effectiveness of implementing Vietnamese law on religious organizations.

Keywords: Religious organizations; improvement of Vietnamese law; current situation; solutions.

NGÀY NHẬN: 18/9/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 23/10/2025

NGÀY DUYỆT: 14/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.358.2025.1345>

1. Đặt vấn đề

Tôn giáo, với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc thù, là một biến số không thể phủ nhận, có khả năng tác động sâu sắc đến cấu trúc văn hóa, động thái chính trị và phát triển kinh tế vĩ mô của bất kỳ quốc gia nào. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, việc thiết lập một khung pháp lý đầy đủ, minh bạch và có

tính thích ứng cao không chỉ là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền tự do tôn giáo được quốc tế công nhận mà còn là yếu tố chiến lược để củng cố sự ổn định nội bộ. Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật điều chỉnh về tổ chức tôn giáo đã ghi nhận nhiều bước tiến pháp điển hóa quan trọng, tuy nhiên,

* TS, Giáo hội Phật giáo Việt Nam

để đáp ứng được tính phức tạp của một xã hội đa tôn giáo và các tiêu chuẩn quốc tế, các hạn chế về tính đồng bộ và hiệu quả thực thi vẫn còn tồn tại, đòi hỏi những cải cách và hoàn thiện mang tính chiến lược.

Ở Việt Nam, trong điều kiện đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế, việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tập hợp được quần chúng nhân dân trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo khoản 5 Điều 2 *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2016: “Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức”. Theo đó, tổ chức tôn giáo được hiểu là “tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo” (khoản 12 Điều 2).

2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về tổ chức tôn giáo

Một là, về tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo.

Tư cách pháp nhân là một khía cạnh pháp lý cốt lõi, xác định vị thế và năng lực của tổ chức tôn giáo trong các giao dịch dân sự, được quy định cụ thể tại Việt Nam. Việc công nhận tư cách pháp nhân là vô cùng quan trọng vì nó cấp cho tổ chức năng lực để tự chịu trách nhiệm và thực hiện quyền tài sản. Ví dụ: Nếu một ngôi chùa (thuộc tổ chức tôn giáo đã được công nhận) muốn đăng ký quyền sử dụng đất đối với khu đất thờ tự hoặc muốn đứng tên trong một hợp đồng xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, việc có tư cách pháp nhân sẽ cho phép chùa nhân danh tổ chức đó thực hiện các giao dịch một cách hợp pháp. Hiện nay, *Luật Tín*

ngưỡng, tôn giáo năm 2016 yêu cầu một tổ chức phải trải qua quy trình hai giai đoạn nghiêm ngặt: đầu tiên là đăng ký hoạt động tôn giáo (Điều 21) sau khi đáp ứng các điều kiện về thời gian hoạt động ổn định (từ 5 năm đối với tổ chức mới), cơ cấu nhân sự; sau đó, phải hoạt động ổn định thêm đủ 5 năm nữa mới được xét công nhận tổ chức tôn giáo (Điều 22). Tại khoản 4 Điều 21 *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo* năm 2016 quy định: tổ chức tôn giáo sau khi được công nhận thì có tư cách pháp nhân phi thương mại. Sự kéo dài này làm chậm khả năng tự quản lý tài sản và pháp lý của tổ chức, buộc họ phải thực hiện các giao dịch qua cá nhân đại diện trong thời gian dài.

Hai là, quan hệ giữa Nhà nước và tổ chức tôn giáo.

Quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo, dù được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng vẫn luôn tồn tại sự căng thẳng giữa nhu cầu bảo hộ quyền tự do và yêu cầu quản lý, kiểm soát để bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, tạo ra các mâu thuẫn trong thực tiễn áp dụng chính sách.

(1) Mâu thuẫn lớn nhất thường xảy ra trong lĩnh vực đất đai tôn giáo, cụ thể là sự đối lập giữa việc Nhà nước cam kết bảo hộ cơ sở thờ tự theo *Hiến pháp* và *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* với các quy định phức tạp của *Luật Đất đai* hiện hành. Ví dụ: nhiều nhà thờ hoặc chùa chiền đã sử dụng khuôn viên rộng lớn ổn định qua hàng trăm năm nhưng khi Nhà nước thực hiện dự án phát triển, việc xác định nguồn gốc đất đai lịch sử (trước năm 1993) và áp dụng chính sách bồi thường lại gây tranh chấp...

(2) Mâu thuẫn giữa quyền tự chủ nội bộ của tổ chức tôn giáo và yêu cầu kiểm soát nhân sự của Nhà nước. Các tổ chức tôn giáo có nhu cầu phong chức, bổ nhiệm chức sắc

theo giáo luật nhưng sự can thiệp hành chính của Nhà nước theo Điều 33, 34 *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2016 (yêu cầu thông báo hoặc xin chấp thuận) đôi khi bị coi là hạn chế quyền tự chủ. Ví dụ: một giáo phái Tin lành muốn bổ nhiệm mục sư mới cho một điểm nhóm ở vùng sâu theo đúng giáo luật. Tuy nhiên, nếu quy trình đăng ký và chấp thuận của chính quyền địa phương kéo dài hoặc bị từ chối với lý do chung chung về “ổn định địa phương”, tổ chức sẽ thấy quyền tự chủ nội bộ bị cản trở, làm chậm trễ hoạt động tôn giáo.

(3) Mâu thuẫn nhạy cảm nhất nằm ở việc xác định ranh giới giữa tự do hoạt động và tính chính trị lợi dụng tôn giáo mà Nhà nước nghiêm cấm theo Điều 116 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Chẳng hạn: một tổ chức tôn giáo muốn tổ chức một sự kiện từ thiện lớn có quy mô liên tỉnh. Nếu như cơ quan quản lý nhà nước quá thận trọng và nhận thấy có nguy cơ bị lợi dụng để truyền bá quan điểm sai trái hoặc liên kết với các nhóm chống đối (yếu tố chính trị), họ có thể từ chối hoặc hạn chế quy mô hoạt động, dẫn đến cảm giác rằng quyền tự do hoạt động bị kiểm soát quá mức, ngay cả khi mục đích là nhân đạo và hợp pháp.

Quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo tại Việt Nam về bản chất là quan hệ giữa bảo hộ quyền con người (tự do tín ngưỡng, tôn giáo) và thực thi trách nhiệm quản lý nhà nước (bảo đảm an ninh, trật tự xã hội). Các mâu thuẫn và bất cập phát sinh chủ yếu từ sự thiếu cân bằng trong quá trình thực thi: khi sự quản lý quá chặt chẽ (như quy trình công nhận tư cách pháp nhân kéo dài, thủ tục hành chính phức tạp) vô tình làm suy giảm quyền bảo hộ mà Nhà nước đã cam kết. Do đó, mục tiêu cuối cùng để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp là đạt được

sự hài hòa, minh bạch và hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật, tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo phát huy tối đa vai trò tích cực trong xã hội, đồng hành cùng chính quyền trên cơ sở tuân thủ *Hiến pháp* và pháp luật.

Ba là, quyền tự do hoạt động của tổ chức tôn giáo.

Pháp luật Việt Nam đã quy định chi tiết các hoạt động thể tục của các tổ chức tôn giáo, bao gồm: quy trình đào tạo chức sắc, xây dựng và quản lý cơ sở thờ tự cũng như tổ chức các lễ hội và sự kiện tôn giáo lớn. Mục tiêu là nhằm hài hòa quyền tự do hoạt động tôn giáo với yêu cầu quản lý hành chính công và bảo đảm trật tự an ninh xã hội (theo nguyên tắc tôn giáo không đứng ngoài pháp luật quốc gia). Quyền tự do hoạt động của các tổ chức tôn giáo là sự cụ thể hóa của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo hộ tại Điều 24 *Hiến pháp* năm 2013 nhưng quyền này luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tôn giáo không đứng ngoài pháp luật do sự giao thoa chức năng.

Sự giao thoa chức năng giữa hoạt động tôn giáo và các lĩnh vực thể tục là cơ sở pháp lý để Nhà nước thực hiện quản lý. Hoạt động tôn giáo không chỉ thuần túy là nhu cầu tâm linh mà còn liên quan mật thiết đến các quy định hành chính, dân sự. Ví dụ, việc xây dựng cơ sở thờ tự chịu sự điều chỉnh của *Luật Đất đai* và *Luật Xây dựng*, Điều 63 *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2016 quy định việc xây dựng phải tuân thủ pháp luật về xây dựng, đất đai; tương tự, hoạt động đào tạo chức sắc phải tuân thủ *Luật Giáo dục* và theo Điều 41 *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2016. Tuy nhiên, chính sự giao thoa này dẫn đến bất cập khi áp dụng các quy định như yêu cầu báo cáo hoạt động thường niên (Điều 55), tạo ra gánh nặng hành chính cho tổ chức.

3. Các thách thức trong quản lý tổ chức tôn giáo

Thứ nhất, còn thiếu minh bạch trong quản lý tài sản tôn giáo: một số cơ sở tôn giáo đã bị lợi dụng cho mục đích trục lợi, gây ảnh hưởng đến uy tín của các tổ chức tôn giáo.

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định chung về tài sản của cơ sở tôn giáo tại Điều 56, 57 *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo* năm 2016 (quy định tài sản được pháp luật bảo hộ và quản lý theo quy định của pháp luật dân sự), song cơ chế kiểm soát và công khai tài chính vẫn chưa chặt chẽ như đối với các pháp nhân kinh tế hoặc phi lợi nhuận khác.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 (sửa đổi Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019) đã thể hiện nỗ lực của Nhà nước nhằm kiểm soát tính phi lợi nhuận của các tổ chức tham gia hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, trong đó có các tổ chức tôn giáo. Nghị định số 136/2024/NĐ-CP nhấn mạnh quỹ phải hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận và quy định giới hạn tỷ lệ chi phí quản lý không quá 10% tổng chi trong năm; đồng thời, bổ sung quy định về xử lý vi phạm, như: kỷ luật, xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi lợi dụng danh nghĩa quỹ để trục lợi.

Tuy nhiên, quy định này chỉ giải quyết được phần hoạt động từ thiện do quỹ thực hiện mà chưa giải quyết triệt để vấn đề quản lý tài sản trực tiếp của cơ sở tôn giáo, như: đất đai, công trình hoặc các khoản thu từ dịch vụ tâm linh, du lịch tôn giáo. Sự thiếu minh bạch trong các hoạt động này tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm uy tín của các tổ chức tôn giáo và gây ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tin xã hội.

Thứ hai, khó khăn trong quản lý tôn giáo mới: sự gia tăng của các nhóm tôn giáo phi

truyền thống đặt ra thách thức mới cho cơ quan quản lý.

Khó khăn đầu tiên là về nhận diện pháp lý và phân loại, tiếp đến là nội dung hoạt động và rủi ro xã hội, vì khi một số nhóm dễ bị biến tướng, lợi dụng niềm tin của tín đồ để trục lợi hoặc truyền bá mê tín dị đoan gây tổn hại đến sức khỏe, tài chính hoặc có nguy cơ bị các thế lực lợi dụng để chống phá chính sách đại đoàn kết (vi phạm Điều 116 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025)). Hoạt động của các nhóm này thường mang tính tự phát, phân tán hoặc bí mật, gây khó khăn cho chính quyền cấp cơ sở trong việc giám sát và thống kê. Việc quản lý thường thiếu tính thống nhất giữa các địa phương do *Luật* không thể bao quát hết sự đa dạng của các hình thái tín ngưỡng mới, dẫn đến việc xử lý dựa vào đánh giá chủ quan và tạo ra sự khác biệt lớn giữa các địa phương.

4. Một số giải pháp

Một là, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo.

Quy định này nên được thực hiện thông qua việc tách biệt hai quy trình: (1) Công nhận tư cách pháp nhân dân sự (liên quan đến tài sản, giao dịch) và (2) Công nhận tổ chức tôn giáo (liên quan đến ổn định chính trị xã hội). Sửa đổi điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo là điểm cốt lõi nhất để rút ngắn thời gian chờ đợi tư cách pháp nhân. Bổ sung cơ chế công nhận tư cách pháp nhân sớm; theo đó, sửa đổi Điều 21, 22 *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2016 để cho phép các tổ chức đã được cấp Chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo (sau 5 năm hoạt động ổn định) được tự động hoặc đăng ký cấp tư cách pháp nhân dân sự phi thương mại (trước khi được công nhận chính thức là tổ chức tôn giáo). Nhằm nâng cao năng lực pháp lý để tổ chức thực

hiện các giao dịch dân sự thiết yếu, như: đứng tên tài sản, ký hợp đồng, khởi kiện mà không cần phải chờ đợi thêm 5 năm để được công nhận chính thức. Đồng thời, đơn giản hóa thủ tục phải đi kèm với việc làm rõ trách nhiệm quản lý tài sản khi chưa có tư cách pháp nhân chính thức.

Hai là, tăng cường quy định về minh bạch tài chính và yêu cầu công khai các nguồn tài trợ, đặc biệt đối với tổ chức có quy mô lớn.

Cần công khai các nguồn tài trợ và thu - chi, đặc biệt đối với các tổ chức có quy mô lớn. Mặc dù Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội (Điều 10), tuy nhiên, văn bản này chỉ điều chỉnh phạm vi di tích và lễ hội, chưa bao quát hết hoạt động tài chính thường xuyên của toàn bộ tổ chức tôn giáo đã được công nhận hoặc đăng ký hoạt động. Do đó, để tăng cường hiệu quả, cần bổ sung hoặc mở rộng phạm vi của các văn bản hướng dẫn để yêu cầu các tổ chức tôn giáo (pháp nhân) phải công khai báo cáo tài chính thường niên về tổng nguồn thu, bao gồm: công đức, tài trợ, các khoản thu từ hoạt động kinh tế phụ trợ và các khoản chi tiêu.

Ba là, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý tôn giáo. Mở các khóa đào tạo chuyên sâu về pháp luật tôn giáo cho cán bộ làm công tác tôn giáo, nhất là ở cấp cơ sở. Để có thể triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tôn giáo trong đời sống xã hội nói chung, trong các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo nói riêng, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân liên quan đến tôn giáo được thực hiện đầy đủ và hiệu quả; đồng thời, đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng niềm

tin tín ngưỡng, tôn giáo, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

Thực tế là các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, như: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) đã và đang triển khai đào tạo chuyên ngành Tôn giáo học. Tuy nhiên, các chương trình đào tạo chủ yếu tập trung vào khía cạnh nghiên cứu (lịch sử, văn hóa, triết học, xã hội học tôn giáo) và cung cấp kiến thức nền tảng về tôn giáo, chưa được thiết kế để đào tạo chuyên sâu về kỹ năng quản lý nhà nước về tôn giáo. Điều này đặt ra nhu cầu cần thiết phải xây dựng các chương trình đào tạo chuyên ngành chuyên sâu về công tác tôn giáo (hoặc quản lý nhà nước về tôn giáo) nhằm cung cấp kiến thức pháp lý, kỹ năng đối thoại, xử lý khủng hoảng và thực thi chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

Để bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực, Bộ Nội vụ (cơ quan trực tiếp tham mưu là Ban Tôn giáo Chính phủ) cần được giao xây dựng kế hoạch tổng thể về đào tạo, bồi dưỡng về công tác tôn giáo. Bên cạnh đó, các cơ quan trong hệ thống chính trị làm công tác tôn giáo cần thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, đào tạo lại và các lớp bồi dưỡng, cập nhật thông tin, kiến thức liên quan đến tôn giáo do các trường đại học, học viện và các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Hành chính và Quản trị công tổ chức.

Bốn là, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. Xây dựng, đưa vào sử dụng hệ thống thông tin quản lý công tác tôn giáo đáp ứng yêu cầu về cập nhật, quản lý, khai thác thông tin liên quan đến công tác tôn giáo trên địa bàn

tỉnh, thành phố bảo đảm có hệ thống, nhanh, chính xác, góp phần tháo gỡ và khắc phục những khó khăn, hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. Ứng dụng công nghệ thông tin sẽ góp phần tích cực cho truyền thông tôn giáo, phục vụ có hiệu quả cho cải cách thủ tục hành chính, minh bạch các thông tin về quản lý tôn giáo; đồng thời, giúp tinh giản bộ máy, giảm tải công việc giản đơn, từng bước theo kịp tiến trình Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến

Năm là, tăng cường đối thoại. Việc thành lập cơ chế đối thoại định kỳ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo để giải quyết mâu thuẫn là cần thiết và tiếp tục được duy trì theo hướng ngày càng thực chất. Sự đa dạng của đời sống tôn giáo ở Việt Nam không chỉ về số lượng loại hình tôn giáo mà sự đa dạng còn được phản ánh trên nhiều phương diện, như: quy mô của từng loại hình, có chính sách điều tiết tốt, sự khác biệt của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau ở Việt Nam.

Việc tăng cường công tác đối ngoại tôn giáo, chủ động tham gia các diễn đàn đa phương nhằm giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ tình hình tôn giáo, chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách tôn giáo và thực tế tình hình tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta... kịp thời đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.

5. Kết luận

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong pháp điển hóa các quy định, thực tiễn pháp luật Việt Nam về tổ chức tôn giáo vẫn còn tồn tại các mâu thuẫn chức năng và bất cập hành chính. Để xây dựng một xã hội hài hòa và phát triển bền

vững trong bối cảnh hội nhập, yêu cầu cấp thiết là phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý theo hướng minh bạch, đồng bộ và nhân văn. Nhà nước cần tập trung vào các giải pháp chiến lược, như: tách biệt quản lý công việc thế tục và thiêng liêng, đơn giản hóa thủ tục công nhận tư cách pháp nhân, và tăng cường đối thoại nhằm bảo đảm tối đa quyền tự do tôn giáo và phát huy vai trò tích cực của các tổ chức tôn giáo □

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2014). *Văn bản pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo*. H. NXB Tôn giáo, tr. 11 - 19.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2022). *Báo cáo tổng kết hoạt động tôn giáo*. Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021). *Giáo trình Tôn giáo và tín ngưỡng*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020). *Nguồn lực tôn giáo - Kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*. H. NXB Tôn giáo..
5. Đỗ Quang Hưng (2015). *Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp*. H. NXB Chính trị Quốc gia..
6. Quốc hội (2016). *Luật Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016*.
7. Nguyễn Thị Kim Thoa (2019). *Pháp nhân tôn giáo trong tiến trình đổi mới*. Kỷ yếu Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. *Pháp luật và quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân*. <https://lsvn.vn>, ngày 18/5/2024.
9. *Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân Việt Nam (từ lý luận đến thực tiễn)*. <https://lyluanchinhtri.vn>, ngày 21/11/2024.
10. *Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 24/7/2025.
11. UN Human Rights Committee. "General Comment No. 22 on ICCPR Article 18", 1993.
12. Nicolas Robert (2006). *Le statut juridique de la religion aux Etats-Unis et en France*. Université Paris 1, 2006.